

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Triển khai Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; UBND tỉnh Gia Lai xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030 như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Căn cứ pháp lý

Pháp lệnh Dân số 2003; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030”; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện “Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030”

2. Sự cần thiết

Chất lượng dân số là phản ánh các đặc trưng về thể chất, trí tuệ và tinh thần của toàn bộ dân số, Nghị quyết số 21-NQ/TW nêu rõ “*Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số*” và “*Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh*”. Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 nhấn mạnh “*Nhân rộng các mô hình có hiệu quả, tập trung đầu tư ở một số địa bàn trọng điểm, từng bước mở rộng và tiến tới phổ cập việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, bao gồm giảm táo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Đặc biệt chú trọng triển khai cung cấp dịch vụ phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ em*”.

Tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh để phát hiện, can thiệp và điều trị sớm các bệnh, tật, các rối loạn chuyển hóa, di truyền ngay trong giai

đoạn bào thai và sơ sinh. Các bệnh tật di truyền, dị tật bẩm sinh rất khó điều trị, việc điều trị, khắc phục phụ thuộc rất nhiều vào thời điểm tác động, nếu phát hiện sớm, xử lý sớm thì hậu quả ít, hiệu quả điều trị cao, giúp cho trẻ sinh ra phát triển bình thường hoặc tránh được những hậu quả nặng nề về thể chất và trí tuệ, giảm thiểu số người tàn tật, thiếu năng trí tuệ trong cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Việc phê duyệt Kế hoạch Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là rất cần thiết để triển khai Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 5/9/2022 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Đây là một nhiệm vụ quan trọng thực hiện mục tiêu 4 về nâng cao chất lượng dân số tại Kế hoạch số 1572/KH-UBND ngày 30/7/2020 Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Gia Lai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm thiểu tỷ lệ trẻ bị dị tật bẩm sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Gia Lai thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- 100% nhân viên y tế trực tiếp thực hiện kỹ thuật lấy mẫu máu gót chân được tập huấn và tập huấn lại kỹ thuật lấy mẫu máu gót chân.
- 100% nhân viên y tế huyện, xã tham gia Chương trình được tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông về chẩn đoán trước sinh và sàng lọc sơ sinh.
- 90% các bà mẹ mang thai tại địa bàn triển khai Đề án được tuyên truyền, tư vấn về lợi ích của việc chẩn đoán trước sinh và sàng lọc sơ sinh.
- 50% phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh theo đúng quy trình và được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.
- 70% trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh thông qua lấy mẫu máu gót chân và được tầm soát ít nhất 5 bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.
- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 50% năm 2025; đạt 70% đến năm 2030; Giảm bình quân 2%-3%/năm số cặp tạo hôn và 3%-5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống.

Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tạo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN

1. Đối tượng

a) Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

b) Đối tượng tác động: Người dân trong tỉnh, cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số các cấp, các cơ sở y tế, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

Ưu tiên đối tượng sinh sống tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 Phê duyệt các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện

a) Phạm vi thực hiện

Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Gia Lai.

b) Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến năm 2030

- Giai đoạn 2023-2025: Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động Kế hoạch.

- Giai đoạn 2026-2030: Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2023-2025, xây dựng các hoạt động phù hợp trong giai đoạn 2026-2030.

- Hàng năm đánh giá sơ kết các hoạt động Kế hoạch trong năm và phổ biến triển khai các hoạt động năm tiếp theo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Về cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và các chính sách liên quan của địa phương.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Cơ chế quản lý: Sở Y tế là cơ quan chủ trì quản lý, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập có đủ điều kiện triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ xã hội tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh tại các đơn vị y tế được thống nhất. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Về chuyên môn kỹ thuật trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế triển khai thực hiện Chương trình, Sở Y tế chỉ đạo:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị y tế khác trong tỉnh đủ điều kiện triển khai cung cấp các kỹ thuật thuộc danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ phổ biến về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh do Bộ Y tế ban hành.

- Các đơn vị y tế triển khai cung cấp các dịch vụ phổ biến về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh, thực hiện mở rộng cung cấp các danh mục kỹ thuật thuộc danh mục các bệnh tật ngoài gói dịch vụ phổ biến phù hợp với trình độ phát triển khoa học công nghệ và chuyên môn kỹ thuật của đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Triển khai thực hiện các quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới cấp ủy, chính quyền các cấp thông qua các hình thức truyền thông phù hợp. Lồng ghép với các hoạt động của chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan.

b) Tăng cường công tác phối hợp với các ngành, đoàn thể, tuyên truyền, vận động các tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình; quan tâm truyền thông lồng ghép trong các hội nghị của ngành, đoàn thể liên quan trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng theo Kế hoạch. Lồng ghép nội dung truyền thông về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong các nội dung, hoạt động tuyên truyền của các cấp, các ngành, các đoàn thể.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; bà mẹ mới sinh thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh. Đa dạng hoá nội dung, hình thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng thụ hưởng như: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, tư vấn nhóm, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, phát hành các ấn phẩm, tài liệu truyền thông. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đến các tầng lớp nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc và vùng khó khăn.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh:

- Cung cấp các ấn phẩm, tài liệu, cẩm nang về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho

nhân viên làm công tác tư vấn, cung cấp dịch vụ từ tỉnh đến cơ sở và hướng dẫn thực hiện.

- Triển khai tới đối tượng theo Kế hoạch về ứng dụng xã hội trên nền tảng kỹ thuật số về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh do Bộ Y tế triển khai.

- Thực hiện đào tạo kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn về các dịch vụ khám sức khỏe tổng quát trước khi kết hôn, tầm soát trước sinh và sơ sinh cho đội ngũ nhân viên y tế, dân số từ huyện đến cơ sở bảo đảm đáp ứng nhu cầu đối với từng nhóm đối tượng tham gia thực hiện các dịch vụ.

b) Khuyến khích xã hội hóa đầu tư và phát triển mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh tại các cơ sở y tế có dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tuyến tỉnh và huyện; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 6 các cơ sở y tế công lập triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh.

c) Đào tạo cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tuyến tỉnh, huyện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đào tạo, tập huấn cho người cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh ở các cơ sở y tế triển khai Chương trình.

d) Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã và được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

đ) Triển khai mô hình cung cấp dịch vụ tại địa bàn có đối tượng khó tiếp cận; tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; cơ sở dữ liệu về các đối tượng của chương trình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Huy động các nguồn lực

a) Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên đảm bảo hoạt động ở tuyến cơ sở.

b) Huy động sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và người sử dụng dịch vụ.

c) Lồng ghép trong các nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương và lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án khác.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; kinh phí được lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo các đơn vị y tế trong tỉnh thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản do Bộ Y tế ban hành; chỉ đạo triển khai mở rộng sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh thuộc Chương trình phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật của các đơn vị, cơ sở y tế thực hiện cung cấp dịch vụ.

b) Chỉ đạo, quản lý thống nhất các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh tại các đơn vị y tế trong tỉnh. Đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong cung cấp các dịch vụ trên. Huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho các dịch vụ theo Kế hoạch.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của Sở Y tế và các đơn vị liên quan xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách trình cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí cho các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan đưa các chỉ tiêu cụ thể của Chương trình vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm, 5 năm; đồng thời tổ chức huy động, vận động các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) để triển khai thực hiện chương trình”.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, lồng ghép các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong các chương trình giáo dục ngoại khóa, chính khóa của cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông.

5. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai các chương trình, đề án về giảm tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn tuyên truyền về sàng lọc, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại vùng đồng bào dân tộc rất ít người sinh sống.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, các nội dung, kết quả triển khai thực hiện Chương trình; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; các nội dung liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho thanh niên.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Lồng ghép các nội dung về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh trong các hoạt động tuyên truyền về giới, bình đẳng giới của ngành. Phối hợp cùng Sở Y tế, quan tâm, giúp đỡ những gia đình có con được chẩn đoán mắc các dị tật bẩm sinh, sơ sinh theo quy định của pháp luật. Tránh các trường hợp loại bỏ thai nhi, hoặc trẻ em bị bỏ rơi vì yếu tố tật, bệnh bẩm sinh.

8. Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan rà soát, hướng dẫn thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; ngăn ngừa tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Lồng ghép tuyên truyền về khám sức khỏe trước khi kết hôn, quy định của pháp luật về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

9. Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai

+ Phối hợp với Sở Y tế và các địa phương xây dựng, phát sóng, đăng tải các chương trình tuyên truyền bằng tiếng kinh và tiếng các dân tộc thiểu số về mục đích, ý nghĩa, các nội dung, kết quả triển khai thực hiện Chương trình, các thông tin về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, các bệnh tật ở thai nhi và sơ sinh, các thông tin cần thiết cho triển khai các hoạt động của Chương trình.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn; tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; lợi ích của khám sức khỏe tiền hôn nhân; khám tầm soát, điều trị trước sinh và sơ sinh; tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết về các hoạt động của kế hoạch này trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục của đơn vị.


10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm tình hình cụ thể của từng địa phương và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Chỉ đạo Trung tâm Y tế và các ban, ngành, đoàn thể tại huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung của kế hoạch. Huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của từng địa phương bổ sung thêm nguồn ngân sách để thực hiện các hoạt động của Chương trình. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của kế hoạch với các dự án khác trên địa bàn.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và các tổ chức thành viên khác

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội, đoàn thể, tham gia triển khai và giám sát các hoạt động của kế hoạch; đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo

dục nhằm nâng cao nhận thức của các đoàn viên, hội viên tham gia các hoạt động tầm soát chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

Trên đây là “Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đề nghị các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện../. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Thị Thanh Lịch